

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI TOÀ ÁN VIỆT NAM

ThS NGUYỄN QUÝ TRỌNG*

1. Về tình hình giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

a. Thực trạng.

Sở hữu trí tuệ (SHTT) là khái niệm dùng để chỉ những tài sản vô hình được tạo ra bởi óc sáng tạo của con người. SHTT không chỉ giới hạn bởi tri thức, thông tin, sự sáng tạo và các phát minh, sáng chế... Tài sản trí tuệ được phân biệt với các loại tài sản khác dựa trên những thuộc tính cơ bản như thuộc tính vô hình, thuộc tính tích lũy, thuộc tính công và thuộc tính tương đối. Khi kinh tế càng phát triển, tranh chấp liên quan đến quyền SHTT sẽ càng lớn, đòi hỏi sự quan tâm hiệu quả của Chính phủ, của các cơ quan có thẩm quyền. Đó cũng là yêu cầu của nguyên tắc pháp chế, đòi hỏi của quan hệ kinh tế thị trường trong xu thế hội nhập. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, các tranh chấp thương mại nói chung và các tranh chấp thương mại liên quan đến quyền SHTT nói riêng có thể được giải quyết bằng nhiều phương thức khác nhau: *Thương lượng (tự hoà giải), Hoà giải (hoà giải qua trung gian), Trọng tài thương mại và Toà án*. Thương lượng, hoà giải và trọng tài là các phương thức giải quyết tranh chấp mang tính thoả thuận tự nguyện (ngoài toà án). Các phương thức giải quyết này chủ yếu được xây dựng trên nền tảng ý chí tự định đoạt của các bên tranh chấp hoặc phán quyết của bên thứ ba độc lập mà không mang tính quyền lực nhà nước. Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài toà án có nhiều tính ưu việt về sự mềm dẻo, linh hoạt của cơ chế giải quyết, tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên, không chịu ràng buộc quá chặt chẽ bởi thủ tục tố tụng và bảo vệ được bí mật của

thương nhân trong đời sống kinh doanh. Tuy nhiên, trên thực tế, các phương thức này đã bộc lộ những khiếm khuyết nhất định, xuất phát từ thái độ hợp tác của các bên và cơ chế đảm bảo sự thực thi của phán quyết hoặc thoả thuận trong thực tế.

Giải quyết tranh chấp thương mại bằng toà án là hình thức giải quyết tranh chấp được thực hiện tại cơ quan xét xử nhân danh quyền lực nhà nước. Các thẩm phán nhân danh Nhà nước đưa ra phán quyết buộc các bên có nghĩa vụ thi hành. Bản án hay quyết định của toà án về vụ tranh chấp được đảm bảo thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước. Giải quyết tranh chấp tại toà án thể hiện tính ưu việt hơn hẳn về trình tự tố tụng và tính khả thi của phán quyết so với các phương thức giải quyết tranh chấp khác. Đặc biệt, việc giải quyết dứt điểm vụ kiện tại cơ quan xét xử được xem là một ưu thế. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, việc giải quyết tranh chấp thông qua toà án có lẽ không "thu hút" được các thương gia vì những hạn chế của phương thức này. Nguyên tắc xét xử công khai của toà án không được giới thiệu nhân "mặt mà" cho lắm, vì khó có thể bảo vệ được bí mật kinh doanh và uy tín của họ trên thương trường, đặc biệt là liên quan đến SHTT do tính chất bảo mật cao của loại tranh chấp này. Nhược điểm của phương thức giải quyết tranh chấp này còn ở chỗ, thời gian tố tụng thường kéo dài, chi phí cao, thủ tục phức tạp. Do đó, các bên khó có thể tự mình tham gia suốt quá trình tố tụng được mà phải giao phó cho các luật sư đại diện. Việc cưỡng chế thi hành án cũng

* Đại học Luật Hà Nội.

rất khó khăn bởi tính tự nguyện thi hành của các bên, của hệ thống pháp luật về thi hành án chưa đồng bộ và “*sự can thiệp*” của các cơ quan công quyền ở địa phương.

Hệ thống giải quyết tranh chấp của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đi vào hoạt động từ tháng 01-1995. Trong khoảng thời gian 10 năm (1995-2005), các nước thành viên WTO đã nộp trên 300 đơn yêu cầu tham vấn về các tranh chấp thương mại. Số vụ tranh chấp thương mại liên quan đến các quyền SHTT là 22/300 vụ (bao gồm cả những vụ đã được giải quyết và những vụ đang được giải quyết); trong đó, về thực thi hiệp định TRIPS (4 vụ); nhãn hiệu hàng hoá và chỉ dẫn địa lý (2 vụ); về quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả (5 vụ) và về sáng chế (11 vụ). Tại Việt Nam, theo báo cáo tổng kết của ngành Tòa án, từ năm 2000-2005 chỉ có 22 vụ liên quan đến SHTT được giải quyết tại toà án (có 12 vụ về bản quyền tác giả và 10 vụ về sở hữu công nghiệp).

b. Một số nhận xét.

Một là, số lượng vụ việc tranh chấp, xâm phạm quyền SHTT ngày càng có chiều hướng gia tăng, phổ biến và phức tạp nhưng số lượng các vụ tranh chấp được giải quyết tại toà án còn dừng ở con số khiêm tốn. Điều này có thể lý giải vì một số yếu tố như vấn đề xét xử công khai, bí mật kinh doanh, thương mại, thời gian giải quyết, ngại ra toà, niềm tin của thương nhân đối với toà án.

Hai là, SHTT là một lĩnh vực tương đối mới mẻ, các thẩm phán chưa quen với việc giải quyết các dạng tranh chấp trong lĩnh vực này; cách giải quyết của toà án còn nhiều điểm chưa hợp lý, chưa xác đáng. Bên cạnh nguyên nhân phát sinh từ trình độ chuyên môn trong lĩnh vực SHTT nói chung và trong lĩnh vực bản quyền nói riêng, còn có một nguyên nhân rất quan trọng chính là các quy định về vấn đề này trong các văn bản pháp luật còn thiếu rõ ràng, không minh bạch.

Ba là, SHTT là một lĩnh vực liên quan tới hoạt động trí tuệ con người, nó không chỉ đơn thuần là quan hệ thuộc lĩnh vực dân sự mà còn liên quan đến rất nhiều lĩnh vực

chuyên ngành khoa học - kỹ thuật, công nghệ khác. Thực tế hiện nay, đội ngũ cán bộ tư pháp mới chỉ được đào tạo chuyên môn pháp lý, chưa có sự am hiểu sâu trong lĩnh vực SHTT, vì vậy, khó có sự đánh giá chính xác trong việc giải quyết các vụ án xâm phạm SHTT.

Bốn là, sự mâu thuẫn, chồng chéo giữa các đạo luật, văn bản hướng dẫn và những người thực hiện như thẩm phán, luật sư, hải quan,... sẽ dẫn đến hệ quả là khó có thể đi đến việc giải quyết vụ việc dứt điểm, hiệu quả. Vì thiếu tính cụ thể trong các quy định nên dẫn đến tình trạng khó áp dụng trong quá trình giải quyết tranh chấp của toà án, quyết định được đưa ra không mang tính thuyết phục cao do thiếu cơ sở pháp lý vững chắc. Thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật hiện hành còn kéo dài, thực hiện qua nhiều cấp xét xử dẫn tới quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan không được bảo vệ kịp thời. Chính vì vậy, các chủ thể nắm quyền khi bị xâm phạm thường không lựa chọn phương thức khởi kiện tại toà án.

2. Nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực SHTT sẽ là một nhân tố quan trọng trong chính sách cải cách, mở cửa và xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam. Sự ổn định và hoàn thiện các thiết chế cần thiết cho giải quyết tranh chấp về SHTT trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế là một đòi hỏi cấp bách hiện nay. Theo định hướng đó, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để áp dụng giải quyết tranh chấp thương mại liên quan đến quyền SHTT. Trước hết và cơ bản phải kể đến các đạo luật: *Hiến pháp* 1992 (đã sửa đổi), *Bộ luật Dân sự* (BLDS), *Bộ luật Tố tụng dân sự* (BLTTDS), *Bộ luật Hình sự* (BLHS), *Bộ luật Tố tụng hình sự* (BLTTHS), *Luật Hải quan* năm 2001, *Luật Sở hữu trí tuệ* năm 2005,... và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành về SHTT. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam được ban hành về cơ bản đáp ứng được các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết và trong Hiệp định TRIPS của WTO. Bên cạnh đó,

Việt Nam đã có một quá trình tham gia các Công ước quốc tế về SHTT và xây dựng hệ thống pháp luật trong nước về giải quyết tranh chấp thương mại liên quan đến quyền SHTT; Hiệp định về thiết lập quan hệ quyền tác giả giữa Chính phủ Cộng hoà XHCN Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ được kí ngày 27-6-1997; Công ước Béc-nơ, được kí tại Béc-nơ (Thụy Sĩ) năm 1886; Công ước Giơ-ne-vơ (1952); Công ước Pa-ri (1883); Thoả ước Ma-đrit (1891); Hiệp ước Oa-sinh-ton (1970). Các điều ước quốc tế này góp phần quan trọng trong quá trình xây dựng hệ thống pháp luật về quyền SHTT và các thiết chế giải quyết các tranh chấp thương mại liên quan đến quyền SHTT của Việt Nam.

Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại liên quan đến quyền SHTT tại toà án Việt Nam đang đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường nhận thức của cộng đồng dân cư đối với lĩnh vực SHTT, bảo vệ quyền năng hợp pháp và lợi ích của chủ thể quyền SHTT. Tuy nhiên, để xây dựng được một mô hình giải quyết tranh chấp hoàn chỉnh cần đáp ứng những yêu cầu chung trong hội nhập đồng thời phải gắn liền với điều kiện hoàn cảnh lịch sử của mỗi quốc gia. Khi tiếp thu các quy chuẩn về tài sản trí tuệ quốc tế, có hai vấn đề đang trở thành mối quan tâm của giới luật học và các nhà hoạch định chính sách, *một là*, chấp nhận các tiêu chuẩn quốc tế, song không quá vay mượn và lệ thuộc vào những đạo luật mẫu của phương Tây, bởi càng bảo hộ SHTT chặt chẽ càng tăng vị thế độc quyền của chủ tài sản, điều đó chưa chắc đã có lợi thế lâu dài cho một dân tộc đang kém cỏi về công nghệ; *hai là*, tìm cách suy yếu (một cách khôn ngoan và có thể chấp nhận được) vị trí của các nhà tư bản nước ngoài, vốn đang nắm giữ tuyệt đại bộ phận các đăng kí về phát minh và tư bản công nghệ ngày nay.

Nhằm góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong hoạt động giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền SHTT tại toà án Việt Nam, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau đây:

Thứ nhất, xây dựng các quy phạm pháp luật về cơ chế giải quyết tranh chấp thương

mại phải đồng bộ và minh bạch nhằm đảm bảo tính nhất quán các văn bản pháp luật về vấn đề này, tránh tình trạng “*trống đánh xuôi, kèn thổi ngược*” giữa các cơ quan chức năng khi xem xét, giải quyết một vụ kiện về SHTT. Đồng thời, kế thừa, tiếp thu và vận dụng có chọn lọc những bài học kinh nghiệm cơ chế giải quyết tranh chấp của các toà án trong khu vực và quốc tế.

Thứ hai, nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn của các thẩm phán, luật sư tham gia giải quyết các tranh chấp thương mại liên quan đến quyền SHTT. Đặc biệt, khi *Luật Cảnh tranh* đã có hiệu lực (từ ngày 01-7-2005) thì vấn đề xử lý, giải quyết các hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHTT là một vấn đề còn mới mẻ và không đơn giản. Vì vậy, đội ngũ thẩm phán của Việt Nam cần được đào tạo bài bản các kiến thức về SHTT. Đồng thời, khảo cứu thực tế của toà án nước ngoài trong việc xây dựng và thực hiện mô hình chuyên về giải quyết các tranh chấp thương mại liên quan đến quyền SHTT cho các thẩm phán Việt Nam.

Thứ ba, xây dựng cơ chế đảm bảo thông tin kín, bí mật thông tin cho các thương nhân và quyền kiểm soát hợp pháp các thông tin. Việc quy định như vậy sẽ tạo được niềm tin của các bên khi phải tham gia giải quyết vụ kiện bằng con đường toà án. Tăng cường chất lượng mạng lưới thông tin về SHTT. Việc tăng cường sử dụng, khai thác thông tin không chỉ giúp cho các thương nhân có được những thông tin bổ ích, kịp thời, chính xác mà còn cho phép các cơ quan xét xử xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học, trợ giúp đắc lực cho công tác giải quyết tranh chấp.

Thứ tư, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục kiến thức pháp luật về SHTT cho mọi người thông qua các hình thức đa dạng, hấp dẫn như xây dựng chương trình tìm hiểu SHTT, về các tình huống giải quyết tranh chấp; các vụ vi phạm điển hình,... góp phần nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp trong xã hội. Nâng cao nhận thức của xã hội đối với các quyền SHTT cũng là một giải pháp thiết thực

nhằm giúp cho quá trình giải quyết tranh chấp hiệu quả.

Thứ năm, các quy định về biện pháp chế tài như chế tài dân sự, chế tài hình sự, chế tài hành chính và các biện pháp kiểm soát biên giới cần được sửa đổi, bổ sung chi tiết phù hợp với thông lệ quốc tế; đồng thời, đảm bảo các chế tài đó đủ sức mạnh ngăn chặn và chống lại các hành vi xâm phạm quyền SHTT.

Thứ sáu, mở rộng thẩm quyền của toà án trong việc xét xử vụ kiện về SHTT, vừa phù hợp với mục tiêu tự do hoá thương mại chung quốc tế vừa đảm bảo thực thi các phán quyết của toà án có hiệu quả.

Thứ bảy, tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, bảo đảm thực hiện nội dung các cam kết quốc tế của Việt Nam ghi

trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã kí kết hoặc tham gia. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc trong quan hệ quốc tế. Chính việc thực hiện các cam kết quốc tế đòi hỏi và thúc đẩy chúng ta cần phải điều chỉnh nội dung cơ chế, chính sách và pháp luật về SHTT. Bảo đảm lợi ích của doanh nghiệp, lợi ích của quốc gia; đồng thời, tôn trọng các chuẩn mực nêu trong các điều ước quốc tế về SHTT mà Việt Nam đã và sẽ tham gia - là một trong những mục tiêu quan trọng trong giải quyết tranh chấp thương mại liên quan đến SHTT của Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu □

1. PGS.TS Phạm Duy Nghĩa, Tài sản trí tuệ ở Việt Nam: Từ quan niệm đến các rào cản và cơ chế bảo hộ; Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 1-2003.

* * * * *

CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY NHÀ NƯỚC ĐỘC LẬP...

(Tiếp theo trang 14)

ngày 08-9-2006 của Chính phủ. Tổ chức quản lý và hoạt động của công ty TNHH một thành viên thực hiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2005.

đ. Đẩy nhanh tiến trình sắp xếp, chuyển đổi DNNN thành công ty TNHH nhà nước.

- Đối với số CTNN chưa thể cổ phần hoá theo chương trình của Chính phủ, đến năm 2010, còn khoảng gần 700 công ty phải chuyển đổi thành công ty TNHH. Số ít các DN này chỉ chuyển thành công ty TNHH nhà nước một thành viên đối với các ngành, lĩnh vực hoạt động phục vụ quốc phòng, an ninh, sản xuất sản phẩm và thực hiện dịch vụ công ích, còn đại bộ phận số DN khác phải chuyển thành công ty TNHH hai hay nhiều thành viên, nhằm huy động dòng đảo các nhà đầu tư là công nhân viên đang làm việc trong DN, là các tổ chức, các cá nhân ngoài xã hội và các nhà đầu tư nước ngoài tham gia.

- DN chủ động cùng các cơ quan chuyên môn triển khai xác định giá trị quyền sử dụng đất ngay khi kiểm kê, phân loại tài

sản, đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ quản (bộ, UBND cấp tỉnh, tổng công ty nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội) trong việc tổ chức, chỉ đạo, đơn đốc DN và cơ quan chuyên môn bảo đảm tiến độ chuyển đổi DN.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với công tác sắp xếp và chuyển đổi DNNN thành công ty TNHH nhà nước một thành viên theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 và chuyển đổi các DN loại hình này thành công ty TNHH hai hay nhiều thành viên.

- Đề cao nguyên tắc công khai, minh bạch trong hồ sơ phát hành, quy định về quản lý công ty theo Điều lệ mẫu, theo các nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Doanh nghiệp năm 2005 của Chính phủ đối với tổ chức, quản lý và hoạt động của các công ty trong và sau chuyển đổi theo mô hình tổ chức này □

1, 2. Báo Hà Nội mới, ngày 09-10-2006.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, tr. 232 - 234. NXB. CTQG, H. 2006.